

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND
ngày ... tháng 3 năm 2022 của UBND TP)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: nước thải sinh hoạt

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom của Công ty thương mại - vận tải Thành Đạt (TNHH)

2.2. Vị trí xả nước thải: Hệ thống thu gom của Công ty thương mại - vận tải Thành Đạt (TNHH), cụm công nghiệp Ba Hàng, phường Nam Đồng, Tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả theo thời điểm hoạt động trong ngày.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải: đường ống nhựa ϕ 90mm đưa vào bể phốt và chảy vào hệ thống thu gom của Công ty thương mại - vận tải Thành Đạt (TNHH).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh → hệ thống thu gom → Bể phốt 3 ngăn

- Công suất thiết kế: 9 m³

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom triệt để toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt và đưa toàn bộ về hệ thống xử lý của Công ty thương mại - vận tải Thành Đạt (TNHH) trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND
ngày ... tháng 3 năm 2022 của UBND TP)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Bavia	Kg/năm	700	
2	Sản phẩm nhựa bị hỏng	Kg/năm	300	
3	Bao bì	Kg/năm	200	
4	Bìa catton	Kg/năm	300	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Giẻ lau dính dầu	Kg/năm	70	
2	Dầu mỡ thải	Kg/năm	45	
3	Bóng đèn điện	Kg/năm	5	
4	Pin	Kg/năm	0,5	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 5kg/ngày

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa loại 50-70 lít

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 10m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: có tường bao che, mái lợp tôn, có biển báo, mã chất thải nguy hại

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao chứa loại 100kg

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời: 15m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời: tường bao che, có mái, cửa ra vào, có biển báo, đảm bảo lưu giữ chất thải thông thường

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa loại 50 lít có nắp đậy

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa: bố trí (thu gom vận chuyển hàng ngày).